TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24/02/2026
V/v "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Ri
2. Bà Phan Thị Ngọc Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Đồng Nai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 122/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc *"Ly hôn, nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2026/QĐHPT ngày 23/01/2026, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị Phương A**, sinh năm 1989
Nơi cư trú: ấp E L, xã L, tỉnh Đồng Nai
Địa chỉ liên lạc: thôn L, phường Q, tỉnh Gia Lai.

* *Bị đơn:* Ông **Hoàng Hải N**, sinh năm 1988
Nơi cư trú: ấp E L, xã L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Võ Thị Phương A trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông Hoàng Hải N có tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2007. Đến ngày 21/02/2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay thuộc phường Q, tỉnh Gia Lai).

Trước khi sống chung bà A, ông N có tìm hiểu nhau trong thời gian 01 năm.

Sau khi sống chung vợ chồng bà A sống tự lập tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vợ chồng bà A sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không hạnh phúc nên vợ chồng bà A sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay.

Nay nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A làm đơn xin được ly hôn với ông Hoàng Hải N.

+ *Về con chung:* Bà A và ông Hoàng Hải N có 02 con chung tên là Hoàng Phương Bảo T, sinh ngày 13/01/2008 và Hoàng Phương Bảo N1, sinh ngày 24/6/2017.

Hiện nay con thứ hai là Hoàng Phương Bảo N1 đang sống cùng bà A tại thôn L, phường Q, tỉnh Gia Lai còn Hoàng Phương Bảo T đang sống cùng ông Hoàng Hải N tại ấp E L, xã L, tỉnh Đồng Nai.

Khi ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung là Hoàng Phương Bảo T, sinh ngày 13/01/2008 và Hoàng Phương Bảo N1, sinh ngày 24/6/2017.

+ *Về yêu cầu cấp dưỡng*: Khi ly hôn bà A không yêu cầu ông Hoàng Hải N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà A và ông N không nhận ai làm con nuôi và hiện nay bà A không mang thai.

+ *Về tài sản chung:* Bà A và ông Hoàng Hải N tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về nợ chung:* Bà A và ông Hoàng Hải N không nợ ai và không ai nợ vợ chồng bà A nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Hoàng Hải N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N vắng mặt nên không có bản lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đồng Nai phát biểu ý kiến:*

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đồng Nai không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Phương A.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà bà Võ Thị Phương A được ly hôn với ông Hoàng Hải N.

+ Về con chung: Bà Võ Thị Phương A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai người con chung tên là Hoàng Phương Bảo T, sinh ngày 13/01/2008 và Hoàng Phương Bảo N1, sinh ngày 24/6/2017.

+ Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Võ Thị Phương A có đơn khởi kiện ly hôn với ông Hoàng Hải N tại Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đồng Nai để giải quyết theo thẩm quyền. Xét thấy ông Hoàng Hải N có nơi cư trú tại ấp E L, xã L, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, biết được Tòa án đang thụ lý và giải quyết ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Võ Thị Phương A nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình vụ án và tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Võ Thị Phương A và ông Hoàng Hải N tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay thuộc phường Q, tỉnh Gia Lai). Như vậy, hôn nhân giữa bà A và ông N là hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện thì bà Võ Thị Phương A cho rằng vợ chồng sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A xin được ly hôn với ông N.

Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 26/12/2025 Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi ông Hoàng Hải N đang sinh sống được biết được biết bà A ông N có mâu thuẫn có cãi nhau, ông N thường xuyên say xỉn không chăm lo cho gia đình vợ con và hiện bà A và ông N đã sống ly thân. Địa phương đã từng khuyên can hòa giải cho bà A, ông N nhưng không có kết quả. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà Võ Thị Phương A và ông Hoàng Hải N đã trầm

trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Võ Thị Phương A được ly hôn với ông Hoàng Hải N.

+ Về con chung: Bà A và ông Hoàng Hải N có 02 con chung tên là Hoàng Phương Bảo T, sinh ngày 13/01/2008 và Hoàng Phương Bảo N1, sinh ngày 24/6/2017. Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung. Qúa trình giải quyết vụ án thì cả hai cháu đều mong muốn được sống với mẹ còn ông Hoàng Hải N thì không hợp tác, cũng không có ý kiến gì về con. Vì vậy, để đảm quyền lợi và sự phát triển của con chưa thành niên cần giao con chung cho bà Võ Thị Phương A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

+ Về yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung và về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà A phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng).*

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát khu vực 14 – Đồng Nai là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 39 Bộ luật dân sự;
- Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84, 85, 86 và 87 Luật hôn nhân gia đình;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Phương A.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Võ Thị Phương A được ly hôn với ông Hoàng Hải N.

2/ Về con chung: Bà Võ Thị Phương A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên là Hoàng Phương Bảo T, sinh ngày 13/01/2008 và Hoàng Phương Bảo N1, sinh ngày 24/6/2017.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà

không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị Phương A không yêu cầu còn ông Hoàng Hải N không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4/ Về tài sản chung: Bà Võ Thị Phương A không yêu cầu còn ông Hoàng Hải N không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5/ Về nợ chung: Bà Võ Thị Phương A không yêu cầu còn ông Hoàng Hải N không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

6/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Võ Thị Phương A phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng),* được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí bà A đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (phòng Thi hành án khu vực 14 – Đồng Nai) theo biên lai thu tiền số: 0003404 ngày 14/10/2025.

7/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 14 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai (phòng THA Khu vực 14 – Đồng Nai);
- UBND phường Quy Nhơn Đông-tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Quyết